

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01/10/2017 đến 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm tháng 08/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm tháng 08/2017)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 30/05/2017)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017)
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm tháng 09/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20/09/2017)
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552.510.447.613	42.692.196.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	270.700.519.343	2.225.444.575
1. Tiền	111		270.700.519.343	2.225.444.575
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.319.592.809	40.466.751.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.710.477.316	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	130.170.888.538	40.000.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	121.338.226.955	466.751.667
III. Hàng tồn kho	140	9	4.896.850.971	-
1. Hàng tồn kho	141		4.896.850.971	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.593.484.490	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	12.528.861.427	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.623.063	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.312.311.412.134	284.886.927.645
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.267.658.795	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	22.267.658.795	-
II. Tài sản cố định	220		389.962.198.755	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	156.762.552.607	-
- Nguyên giá	222		174.391.137.522	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.628.584.915)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	233.199.646.148	-
- Nguyên giá	228		243.224.323.375	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.024.677.227)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.490.153.090	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.490.153.090	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	279.357.777.000	284.853.700.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		278.850.000.000	284.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599.100.000	853.700.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(91.323.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		619.233.624.494	33.227.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	77.976.848.661	33.227.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		363.287.671	-
3. Lợi thế thương mại	269	14	540.893.488.162	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.864.821.859.747	327.579.123.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		732.924.093.069	3.002.518.673
I. Nợ ngắn hạn	310		645.379.581.898	3.002.518.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	26.915.343.981	3.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.676.162.281	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	53.728.845.012	2.785.479.887
4. Phải trả người lao động	314		43.955.617.803	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	80.874.714.505	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	239.932.854.957	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.310.607.999	164.038.786
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	142.985.435.360	-
II. Nợ dài hạn	330		87.544.511.171	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	25.939.123.056	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	61.605.388.115	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.131.897.766.678	324.576.605.214
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.131.897.766.678	324.576.605.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		688.800.000.000	313.010.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		688.800.000.000	313.010.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		90.074.070.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		169.737.924.330	11.566.005.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		158.171.919.116	11.864.880.343
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		183.285.772.348	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.864.821.859.747	327.579.123.887



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	195.841.996.776	14.756.381.646
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.469.558.361	36.999.996
- Các khoản dự phòng	03	91.323.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(121.074.533.576)	(15.693.743.608)
- Chi phí lãi vay	06	5.533.733.977	26.389.234
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.862.078.538	(873.972.732)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	91.172.613.074	(37.537.050.481)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.074.378.266	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19.071.958.690	(124.574.247)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	49.585.768.989	(33.227.645)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	21.403.700.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.814.833.977)	(19.676.906)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.126.254.419)	(106.270.711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	243.825.709.161	(17.291.072.722)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(252.248.817.549)	(370.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	333.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(603.437.356.629)	(3.006.150.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	800.547.261.819	3.322.150.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(561.128.547.475)	(284.853.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	254.600.000	9.700.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.304.938.556	15.693.743.612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(594.707.921.278)	(259.180.956.388)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	465.863.470.000	250.000.000.000
1. Tiền thu từ đi vay	33	465.099.928.350	46.245.912.563
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(311.606.111.465)	(48.243.129.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	619.357.286.885	248.002.783.182
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	268.475.074.768	(28.469.245.928)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.225.444.575	30.694.690.503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	270.700.519.343	2.225.444.575



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Q4.2017	Q4.2016
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		548,859,757,994	14,349,170,340	220,611,442,362	2,750,200,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		434,500,000	-	(4,052,943,500)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	548,425,257,994	14,349,170,340	224,664,385,862	2,750,200,000
4. Giá vốn hàng bán	11	24	257,649,090,837	13,787,010,440	136,774,066,946	2,261,740,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		290,776,167,157	562,159,900	87,890,318,916	488,460,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	121,078,757,725	15,792,617,612	9,529,935,491	14,399,127,730
7. Chi phí tài chính	22	26	5,917,051,928	302,907,199	3,623,567,860	74,712,861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,533,733,977	-	5,533,733,977	-
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	27	133,203,498,515	-	62,848,318,237	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	67,118,402,400	1,295,488,654	29,573,831,527	382,517,184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		205,615,972,039	14,756,381,659	1,374,536,783	14,430,357,685
11. Thu nhập khác	31		1,425,875,422	333,000,000	999,568,099	312,968,533
12. Chi phí khác	32		11,199,850,685	333,000,013	10,516,942,953	329,042,304
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-	9,773,975,263	(13)	(9,517,374,854)	(16,073,771)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		195,841,996,776	14,756,381,646	(8,142,838,071)	14,414,283,914
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	26,744,856,515	2,891,501,303	1,619,026,124	2,848,976,708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	364,618,832	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		169,097,140,261	11,864,880,343	(10,126,483,027)	11,565,307,206
16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		158,171,919,116			
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10,925,221,145			
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3,254.11	1,862.80		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 21/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 313.010.600.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp***Công ty con do công ty mẹ sở hữu trực tiếp:*

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (từ ngày 20/06/2017)	Tp. Hà Nội	68,91%	68,91%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten	Tp. Hà Nội	53,83%	53,83%	Giáo dục mầm non
3	Công ty TNHH Apax Franklin Academy	Tp. Hà Nội	100,00%	100,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

*Danh sách công ty liên kết do công ty mẹ sở hữu trực tiếp: Không có**Danh sách các công ty liên kết do công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax sở hữu (dưới đây gọi là công ty liên kết gián tiếp):*

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu gián tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax					
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	22,85%	20,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng công ty mẹ - công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ toàn bộ.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con duy nhất - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần bốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 71,14% vốn điều lệ của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các công ty liên kết gián tiếp của Công ty;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Chi tiết danh sách các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Áp dụng giá trị hợp lý

Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý trong xác định giá trị của các khoản đầu tư trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con, được xác định trên cơ sở giá giao dịch gần nhất được xác định bởi tổ chức định giá và giá cổ phiếu phát hành thành công cho các cổ đông hiện hữu của công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Trong trường hợp giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản của bên bị mua, khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 - 5 năm đối với phần mềm máy tính và 10 năm đối với bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Chi phí chung phân bổ cho các dự án đồng triển khai trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí của từng dự án. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê trung tâm, chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học, chi phí khởi nghiệp ban đầu nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup, chi phí thi công các trung tâm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê trung tâm thể hiện số tiền thuê đã được trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Chi phí hỗ trợ bản quyền dạy học được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng. Chi phí khởi nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí thi công nội thất các trung tâm, chi phí thuê máy chủ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
Tiền mặt (i)	49.406.264.177	171.923.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	217.040.939.166	2.053.520.836
Tiền đang chuyển (ii)	4.253.316.000	-
	270.700.519.343	2.225.444.575

Ghi chú:

- (i) Tiền mặt tồn quỹ bao gồm tiền tại các trung tâm tiếng Anh.
- (ii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên cà thẻ chưa chuyển về tài khoản Công ty.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.710.477.316	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	9.790.000.000	-
Các đối tượng khác	2.920.477.316	-
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	130.170.888.538	40.000.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ HN	86.961.379.262	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Bộ Ba	29.313.366.695	-
Công ty cổ phần truyền thông Đại Hồng Phát	10.910.306.724	-
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải (i)	-	40.000.000.000
Các đối tượng khác	2.985.835.857	-
b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	40.000.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải - Thành viên Ban Tổng Giám đốc	-	40.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Trong kỳ, theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 23/02/2017 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua thanh lý hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng mua bán số 01/HĐMB/IBC-HL4.11/2016; Thanh lý hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng mua bán số 29-12/2015/HĐMB/VNBC: Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải - Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng mua bán nhà đất và trả lại 100% số tiền đã nhận từ tiền trả trước của Công ty.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	121.338.226.955	-	466.751.667	-
Ký cược, ký quỹ (i)	22.900.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.736.278.847	-	73.000.000	-
Phải thu khác	96.701.948.108	-	393.751.667	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân (ii)	45.457.000.000	-	-	-
- Ông Đặng Văn Dương (iii)	44.550.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Mạnh Phú	682.759.941	-	-	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	524.540.484	-	-	-
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy - Công ty liên kết gián tiếp (iv)	3.322.297.631	-	-	-
- Công ty cổ phần thiết bị giáo dục Eschool - Cùng tập đoàn (iv)	205.291.070	-	-	-
- CTCP Anh ngữ APAX Speedy - Công ty liên kết gián tiếp (iv)	1.341.609.794	-	-	-
- Công ty Cổ phần Studynet - Công ty liên kết gián tiếp	191.636.250	-	-	-
- Các đối tượng khác	426.812.938	-	393.751.667	-
b) Phải thu khác dài hạn	22.267.658.795	-	-	-
Ký cược, ký quỹ (v)	22.267.658.795	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại BIDV Thanh Xuân đang dùng để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 20- Vay và nợ thuê tài chính;
- (ii) Phải thu tiền từ việc Công ty chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten
- (iii) Phải thu do bán khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten.
- (iv) Phải thu do tiền mua hộ hàng hóa là balo, sách, tablet cho các Công ty trong cùng hệ thống;
- (v) Chủ yếu là khoản ký cược, ký quỹ thuê các trung tâm.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	318.284.033	-	-	-
Hàng hoá	4.578.566.938	-	-	-
	4.896.850.971	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.528.861.427	-
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	8.778.074.152	-
Chi phí công cụ dụng cụ	314.939.585	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.435.847.690	-
b) Dài hạn	77.976.848.661	33.227.645
Chi phí mua bản quyền phần mềm	263.207.296	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	24.136.175.634	-
Chi phí đầu tư khởi nghiệp	20.918.207.571	-
Chi phí công cụ dụng cụ	8.973.893.071	33.227.645
Chi phí thi công nội thất	23.516.373.137	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	168.991.952	-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	67.185.167.778	9.581.909.970	870.160.000	77.637.237.748
Tăng trong năm	95.525.738.865	425.810.000	802.350.909	96.753.899.774
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	162.710.906.643	10.007.719.970	1.672.510.909	174.391.137.522
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	2.343.190.813	2.710.828.371	55.632.067	5.109.651.251
Khấu hao trong năm	10.758.111.204	1.641.387.022	119.435.438	12.518.933.664
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.101.302.017	4.352.215.393	175.067.505	17.628.584.915
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	149.609.604.626	5.655.504.577	1.497.443.404	156.762.552.607

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cố định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	-	58.619.304.035	1.738.969.777	60.358.273.812
Tăng trong năm	145.939.266.075	36.836.899.488	89.884.000	182.866.049.563
Số dư cuối năm	145.939.266.075	95.456.203.523	1.828.853.777	243.224.323.375
GIA TRỊ HAO MÓN LUY				
KT				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng TS tại công ty con (i)	-	5.670.358.530	403.694.000	6.074.052.530
Khấu hao trong năm	-	3.647.216.974	303.407.723	3.950.624.697
Số dư cuối năm	-	9.317.575.504	707.101.723	10.024.677.227
GIA TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	145.939.266.075	86.138.628.019	1.121.752.054	233.199.646.148

Ghi chú: (i) Tăng tài sản cố định hữu hình từ hoạt động đầu tư nắm quyền kiểm soát công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty liên kết	278.850.000.000	-	278.850.000.000	284.000.000.000	-	284.000.000.000
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	-	-	284.000.000.000	-	284.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	98.000.000.000	-	98.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	78.890.000.000	-	78.890.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Studynet	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-	-	-
 - Đầu tư vào đơn vị khác	 599.100.000	 (91.323.000)	 507.777.000	 853.700.000	 -	 853.700.000
Cổ phiếu niêm yết						
Công ty Cổ phần Xi Măng X18	125.100.000	(91.323.000)	33.777.000	125.100.000	-	125.100.000
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần May Nam Định	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	-	-	-	254.600.000	-	254.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	114.000.000	-	114.000.000
Cộng	279.449.100.000	(91.323.000)	279.357.777.000	284.853.700.000	-	284.853.700.000

Ghi chú:

- i. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:
 - Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác:
 - Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính;
 - Đối với các khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết mà lỗ thì được xác định giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính do công ty nhận đầu tư bị lỗ;
 - Đối với khoản đầu tư không xác định được dự phòng, giá thị trường thì giá trị hợp lý được trình bày là giá gốc.
- ii. Báo cáo tài chính của các công ty liên kết gián tiếp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)****b) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:**

STT	Tên công ty liên kết gián tiếp	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của Apax Holdings	Tỷ lệ sở hữu của Apax English	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Studynet	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
2	Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	Tp. Hà Nội	31,01%	45,00%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu
3	Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy	Tp. Hà Nội	33,76%	49,00%	Giáo dục tiểu học, trung học phổ thông
4	Công ty cổ phần Đầu tư EduLand	Tp. Hà Nội	22,85%	33,16%	Giáo dục khác chưa phân vào đầu

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay VND
Tại ngày đầu năm	-
Tăng trong năm	574.400.164.421
Phân bổ vào chi phí trong năm	(33.506.676.259)
Tại ngày cuối năm	540.893.488.162

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax, được xác định như chính sách mô tả tại Thuyết minh số 4, và được xác định như sau:

(i) *Xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát*

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
Tổng tài sản của công ty con tại ngày mua	899.271.315.758
Nợ phải trả của công ty con tại ngày mua	512.315.324.329
Giá trị ghi sổ Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	386.955.991.429
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ	68,91%
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần Công ty mẹ nắm giữ tại ngày đạt quyền kiểm soát	266.642.443.940

Ngày 20 tháng 06 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax từ 46.50% lên 68,91% với tổng chi phí lần mua cuối cùng là 340.821.000.000. Theo đó, Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trở thành công ty con của Công ty. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax là đào tạo tiếng Anh tập trung tại các Trung tâm tiếng Anh với nhãn hiệu Apax English.

Công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax không thuộc nhóm các công ty đại chúng, cổ phiếu của công ty con chưa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tại ngày mua được xác định theo Báo cáo thẩm định giá tài sản số 17P01TĐ0680 ngày 15 tháng 08 năm 2017 do Công ty Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu điện phát hành, được trình bày như dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (Tiếp theo)**

	Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua
Tài sản	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.195.995.480
Các khoản phải thu ngắn hạn	374.735.002.001
Hàng tồn kho	11.971.229.237
Tài sản ngắn hạn khác	36.612.735.004
Các khoản phải thu dài hạn	17.086.579.685
Tài sản cố định	126.811.807.779
Tài sản dở dang dài hạn	8.382.455.122
Đầu tư tài chính dài hạn	224.307.000.000
Tài sản dài hạn khác	75.168.511.450
	899.271.315.758
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	436.158.341.855
Nợ dài hạn	76.156.982.474
	512.315.324.329
Tổng tài sản thuần (a)	386.955.991.429
Cổ đông không kiểm soát (b)	120.313.547.489
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (c)	574.400.164.421
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (d) = (a)-(b)+(c)	841.042.608.361
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	24.195.995.480
Tiền chi để mua Công ty con tính đến ngày 30/06/2017	(199.852.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua (Mã số 25-Lưu chuyển tiền tệ)	(175.656.104.520)

Trong giá phí hợp nhất kinh doanh là 841.042.608.361 VND bao gồm 340.821.000.000 VND đã được thanh toán một phần bằng tiền, phần còn lại ghi nhận trên nợ phải trả và 500.221.608.361 VND là giá trị hợp lý được xác định cho các lần Công ty mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với tổng tỷ lệ nắm giữ là 46,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát công ty con này. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax kể từ ngày mua đến ngày 31/12/2017 là 39.826.204.583 VND.

(ii) Xác định lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua = 841.042.608.361 VND - 266.642.443.940 VND = 574.400.164.421 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 120 tháng (10 năm) kể từ tháng hợp nhất đầu tiên; Giá trị phân bổ kỳ này tương ứng 07 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn	26.915.343.981	26.915.343.981	3.000.000	3.000.000
Chungdahm Learning, Inc	7.827.600.000	7.827.600.000	-	-
Công ty CP In Trường Phát	1.336.573.450	1.336.573.450	-	-
Marshall Cavendish Education (MCE)	1.595.755.800	1.595.755.800	-	-
Các đối tượng khác	16.155.414.731	16.155.414.731	3.000.000	3.000.000
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	7.827.600.000	7.827.600.000	-	-
Chungdahm Learning, Inc - Cổ đông lớn của CTCP Anh ngữ Apax	7.827.600.000	7.827.600.000	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng khác (i)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	249.295	11.743.491	7.935.598.237	7.137.329.981	810.261.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.785.230.592	7.499.869.348	26.826.787.140	15.126.254.419	21.985.632.661
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.672.170.756	28.812.211.967	30.200.309.535	16.284.073.188
Các loại thuế khác	-	(2.999.940)	14.723.378.061	71.500.000	14.648.878.121
	2.785.479.887	25.180.783.655	78.516.779.405	52.754.197.935	53.728.845.012

Ghi chú: (i) Tăng khác trong kỳ là các khoản điều chỉnh tăng phần thuế tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	80.874.714.505	-
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	77.156.009.277	-
Trích trước chi phí thuê văn phòng	2.113.056.580	-
Trích trước chi phí khác	1.605.648.648	-

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	239.932.854.957	-
Tiền học phí thu trước	239.932.854.957	-
b) Dài hạn	25.939.123.056	-
Tiền học phí thu trước	25.939.123.056	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.310.607.999	164.038.786
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.791.943.685	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.518.664.314	164.038.786
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	1.735.062.157	6.712.328
- Bà Phạm Thị Lan Hương	558.133.333	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy	30.200.000	-
- Các đối tượng khác	195.268.824	157.326.458
b) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan	1.735.062.157	6.712.328
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	1.735.062.157	6.712.328

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng khác (i)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a1) Vay ngắn hạn	124.645.468.152	124.645.468.152	383.475.277.951	309.321.294.441	50.491.484.642	-	-
Công ty chứng khoán MB	-	-	33.754.559.779	33.754.559.779	-	-	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank	-	-	27.416.057.687	27.416.057.687	-	-	-
Nguyễn Mạnh Phú - Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng (ii)	-	-	57.508.080.000	57.508.080.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Thủy - Chủ tịch HĐQT (ii)	-	-	31.000.000.000	31.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Khánh - Thành viên HĐQT (ii)	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Thanh Nhân (ii)	-	-	29.170.000.000	29.170.000.000	-	-	-
Nguyễn Trường Sơn - Thành viên HĐQT CTCP Anh ngữ Apax (ii)	-	-	26.300.000.000	26.300.000.000	-	-	-
Trần Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc (iii)	-	-	1.960.000.000	1.960.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Phú	60.000.000	60.000.000	260.000.000	200.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-	-
Trái phiếu phát hành (iv)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	7.800.000.000	-	-
Công ty CP Studynet - Công ty liên kết (v)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (vi)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân (vii)	99.983.442.096	99.983.442.096	84.214.442.096	7.078.045.476	22.847.045.476	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (viii)	4.002.026.056	4.002.026.056	19.859.349.496	23.806.867.503	7.949.544.063	-	-
Nguyễn Trường Sơn - Thành viên HĐQT CTCP Anh ngữ Apax (ix)	-	-	15.215.104.897	19.250.000.000	4.034.895.103	-	-
Nguyễn Thùy Thương - Thành viên HĐQT CTCP Anh ngữ Apax (ix)	-	-	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	-	-
Nguyễn Mạnh Phú - Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng (ix)	-	-	-	3.560.000.000	3.560.000.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư Apax Holdings	-	-	-	-	-	-	-
Vũ Cẩm La Hương (Apax Holding) (ix)	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000	-	-	-
Vũ Thị Hào (ix)	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-
Đào Thị Thanh Hà	-	-	1.234.000.000	1.234.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Đống Đa (ngân hàng MB) -PGD Đào Duy Anh	-	-	4.361.564.589	4.361.564.589	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Thủ Đức	-	-	7.818.119.407	7.818.119.407	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng khác (i)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a2) Nợ dài hạn đến hạn trả	18.339.967.208	18.339.967.208	20.502.817.024	2.284.817.024	121.967.208	-	-
Ngân hàng Tiên Phong Bank (x)	121.967.208	121.967.208	127.817.024	127.817.024	121.967.208	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân (xi)	13.662.000.000	13.662.000.000	15.819.000.000	2.157.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (xii)	4.556.000.000	4.556.000.000	4.556.000.000	-	-	-	-
b) Vay dài hạn	61.605.388.115	61.605.388.115	81.624.650.399	20.502.817.024	483.554.740	-	-
Ngân hàng Tiên Phong Bank (x)	355.737.716	355.737.716	-	127.817.024	483.554.740	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thanh Xuân (xi)	43.025.650.399	43.025.650.399	58.844.650.399	15.819.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (xii)	18.224.000.000	18.224.000.000	22.780.000.000	4.556.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Tăng khác trong kỳ là khoản điều chỉnh tăng khoản vay tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- (ii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn với thời hạn 2 tháng, lãi suất 0 %/năm. Mục đích sử dụng khoản vay để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax;
- (iii) Khoản vay ngắn hạn ông Trần Thanh Hải - Phó Tổng Giám đốc Công ty theo 03 hợp đồng vay vốn:
- Hợp đồng vay vốn số 1204/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 12/04/2017, số tiền 410.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0 %/năm;
 - Hợp đồng số 01/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 02/02/2017, số tiền 1.150.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5,8 %/năm; và
 - Hợp đồng số 2806/HĐVV/HAI-IBC/2017 ngày 28/06/2017, số tiền 400.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0 %/năm.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Ghi chú:

- (iv) Trái phiếu phát hành theo hợp đồng số 01052017/APAX-TP ngày 08/05/2017 với bà Phạm Thị Lan Hương, lãi suất 14%/năm, ngày đáo hạn là 08/5/2018;
- (v) Vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015, lãi suất 0%;
- (vi) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo Hợp đồng số 25096520002 ngày 06/03/2017 và Hợp đồng số 25096520001 ngày 02/03/2017 thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 5%/ năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo;
- (vii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/8674692/HĐTD ngày 02/06/2017, Thời hạn vay từ ngày 02/06/2017 đến ngày 31/05/2018. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là bất động sản và hợp đồng tiền gửi của bà Nguyễn Thị Thu Hương và ông Nguyễn Ngọc Thủy; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của Công ty tại BIDV Thanh Xuân;
- (viii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 07/2017/HĐTD/THNC/02 ngày 23/01/2017, hạn mức 8.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 1 năm từ ngày 23/01/2017 đến ngày 23/01/2018. Tài sản đảm bảo là đất và tài sản trên đất của cá nhân ông Nguyễn Ngọc Khánh;
- (ix) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay không thời hạn, lãi suất 0%;
- (x) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay số 62/2016/HĐTD/THNC/01 ngày 14/11/2016, thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất từ ngày nhận nợ đến 15/11/2017 là 7.9%/năm. Thời gian tiếp theo đến ngày 15/11/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,15%/năm.
- (xi) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29.09/2017, Thời hạn vay từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/09/2022. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND, lãi suất 10,4%/năm thay đổi 3 tháng/lần, mục đích bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản đảm bảo là bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu công ty CP Tập Đoàn Egroug;
- (xii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn. mua bản quyền, giấy phép, chương trình học từ công ty Chungdahlm Learning Inc. Lãi suất: bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy nhận nợ trong ngày rút vốn. Không có tài sản thế chấp.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	63.010.600.000	-	(298.875.129)	-	62.711.724.871
Tăng vốn góp trong năm	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	11.864.880.343	-	11.864.880.343
Số dư đầu năm nay	313.010.600.000	-	11.566.005.214	-	324.576.605.214
Tăng vốn góp trong năm (i)	375.789.400.000	90.074.070.000	-	-	465.863.470.000
Lãi trong năm	-	-	158.171.919.116	10.925.221.145	169.097.140.261
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	172.360.551.203	172.360.551.203
Số dư cuối năm nay	688.800.000.000	90.074.070.000	169.737.924.330	183.285.772.348	1.131.897.766.678

Ghi chú: (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105824156 thay đổi lần thứ 08 ngày 14/08/2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 688.800.000.000 VND trên cơ sở kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoàn thành ngày 04/8/2017, như sau:

- Phát hành thêm 30.078.940 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phiếu; Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu, theo tỷ lệ 1:0,96 (thời gian kết thúc việc đăng ký mua 05/06/2017: Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ sẽ được mua 0,96 cổ phiếu mới);
- Phát hành 7.500.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá, mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu, giá phát hành dự kiến 20.000 VND/ cổ phiếu; Đối tượng phát hành: Nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy chế đấu giá.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	490.000.000.000	250.000.000.000
Các đối tượng khác	198.800.000.000	63.010.600.000
Cộng	688.800.000.000	313.010.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	688.800.000.000	313.010.600.000
- Vốn góp đầu kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	375.789.400.000	250.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	688.800.000.000	313.010.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.880.000	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	68.880.000	31.301.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	220,611,442,362	2,750,200,000
Trong đó:	-	-
- Doanh thu bán hàng hóa	(1,288,956,372)	2,750,200,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	221,977,710,098	-
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	6,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ	1,500,000,000	-
- Cùng chủ sở hữu	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng chủ sở hữu	1,500,000,000	-
	220,611,442,362	2,750,200,000
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	4,052,943,500	-
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	4,052,943,500	-
	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	224,664,385,862	2,750,200,000

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	6,289,627,765	2,261,740,000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	130,484,439,181	-
	136,774,066,946	2,261,740,000

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,523,391,342	32,127,730
Lãi bán các khoản đầu tư (i)	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,320,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4,224,149	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14,367,000,000
Doanh thu tài chính khác (ii)	-	-
	9,529,935,491	14,399,127,730

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4/2017	Quý 4/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3,653,716,468	74,712,861
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1,680,000	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	79,880,590	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3,753,000	-
Chi phí tài chính khác	(115,462,198)	-
	3,623,567,860	74,712,861

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	195.841.996.776	14.756.381.646
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(62.117.714.217)	(298.875.129)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	33.795.390.259	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(99.051.608.361)	-
Cộng: Ảnh hưởng các khoản lỗ từ công ty con	3.138.503.885	-
Chuyển lỗ	-	(298.875.129)
Thu nhập chịu thuế	133.724.282.559	14.457.506.517
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.744.856.515	2.891.501.303

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	158.171.919.116	11.864.880.343
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	158.171.919.116	11.864.880.343
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (i)	48.606.752	6.301.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.254,11	1.883,00
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú: (i) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đã bao gồm giá trị điều chỉnh theo lượng cổ phiếu phát hành thêm chốt quyền mua tại ngày kết thúc đăng ký mua 05/06/2017

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và chia thành 03 miền: Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam, nhưng tập trung chủ yếu ở Miền Bắc. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, các khu vực miền Nam, miền Trung phát sinh doanh thu không đáng kể (không quá 10% tổng doanh thu hợp nhất). Theo đó, Công ty không lập Báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý miền.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu bao gồm: 1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh; 2. Tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư và 3. Hoạt động khác. Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục chiếm 85.3%, doanh thu đến từ hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính chiếm tỷ trọng 10.2% và doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng là 4.4%. Công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Theo lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục	Hoạt động tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư	Hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ cung cấp hàng hóa	467.920.881.858	56.155.176.136	24.349.200.000	548.425.257.994
Giá vốn hàng bán	257.649.090.837	550.589.409	238.738.663	258.438.418.909
Lợi nhuận gộp	210.271.791.021	55.604.586.727	24.110.461.337	289.986.839.085

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	204.590.823.475	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(270.700.519.343)	(2.225.444.575)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.131.897.766.678	324.576.605.214
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	270.700.519.343	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	154.680.084.219	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	507.777.000	853.700.000
Tổng cộng	425.888.380.562	3.472.896.242
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	204.590.823.475	-
Phải trả người bán và phải trả khác	29.434.008.295	167.038.786
Chi phí phải trả	80.874.714.505	-
Tổng cộng	314.899.546.275	167.038.786

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	270.700.519.343	-	270.700.519.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.412.425.424	22.267.658.795	154.680.084.219
Đầu tư tài chính dài hạn	-	507.777.000	507.777.000
Tổng cộng	403.112.944.767	22.775.435.795	425.888.380.562
Số cuối năm			
Các khoản vay	142.985.435.360	61.605.388.115	204.590.823.475
Phải trả người bán và phải trả khác	29.434.008.295	-	29.434.008.295
Chi phí phải trả	80.874.714.505	-	80.874.714.505
Tổng cộng	253.294.158.160	61.605.388.115	314.899.546.275
Chênh lệch thanh khoản thuần	149.818.786.607	(38.829.952.320)	110.988.834.287
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.225.444.575	-	2.225.444.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	393.751.667	-	393.751.667
Đầu tư tài chính dài hạn	-	853.700.000	853.700.000
Tổng cộng	2.619.196.242	853.700.000	3.472.896.242
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	167.038.786	-	167.038.786
Tổng cộng	167.038.786	-	167.038.786
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.452.157.456	853.700.000	3.305.857.456

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31/12/2017 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty CP Công nghệ Giáo dục Vietkindertech
 Công ty CP Đào tạo Nexedu Việt Nam
 Công ty CP Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ
 Công ty CP Quản lý tài sản Dzambala
 Công ty CP Trường học lớn Việt Nam
 Công ty CP Giải pháp công thông tin
 Công ty CP Thiết bị giáo dục Eschool
 Công ty TNHH Đầu tư Estartup
 Công ty TNHH Đầu tư Efuture
 Công ty CP Trị liệu và Làm đẹp Mani Spa
 Công ty CP dịch vụ công nghệ giáo dục Việt Nam
 Công ty CP Studynet
 Công ty CP Anh ngữ Apax Speedy
 Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland
 Công ty CP Anh Ngữ Apax Academy

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty con của CTCP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax
 Công ty liên kết của CTCP Anh ngữ Apax

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cho Công ty vay	0	31.000.000.000	31.000.000.000	0
Nguyễn Mạnh Phú	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Nhận tạm	0	129.974.700.000	129.757.075.500	217.624.500
		Cho Công ty vay	0	27.000.000.000	49.130.080.000	0
		Cho Công ty vay	0	22.130.080.000		
Nguyễn Ngọc Khánh	TV HĐQT	Cho Công ty vay	0	30.000.000.000	30.000.000.000	0
Vũ Cẩm La Hương	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nhận tạm ứng	0	372.457.700	372.457.700	0
Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 30/05/2017) Phó TGDĐ (từ nhiệm ngày 20/9/2017)	Nhận tạm ứng	0	142.625.700	142.625.700	0
		Cho Công ty vay	0	1.960.000.000	1.960.000.000	0
Nguyễn Trường Sơn	TV HĐQT Công ty CP Anh ngữ Apax	Cho Công ty vay	0	26.187.770.660	26.187.770.660	0
		Phải thu khác (trả thừa tiền vay)		112.229.340	112.229.340	0

THUYẾT MINH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3 THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2017, Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 30.078.940 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành là 300.789.400.000 VND và phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá là 7.500.000 cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến là 150.000.000.000 VND. Phương án sử dụng vốn được sửa đổi theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐQT ngày 04/08/2017 của Hội đồng Quản trị như sau:

- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền là 381.334.280.000 VND, trong đó:
 - Thanh toán một phần tiền mua 7.573.800 cổ phiếu trực tiếp từ các cổ đông khác với giá 45.000 VND/ cổ phiếu, số tiền là 258.138.900.000 VND;
 - Thanh toán một phần tiền vay các cá nhân để mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền 123.195.380.000 VND;
- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Igarten với số tiền là 60.000.000.000 VND;
- Bỏ sung vốn lưu động cho Công ty với số tiền là 24.529.190.000 VND.

Theo kết quả đấu giá cổ phiếu ngày 21/7/2017 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng khối lượng đấu giá thành công là 7,5 triệu cổ phiếu, với tổng giá trị là 165 tỷ đồng.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam. Đối với báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là kỳ đầu tiên được lập theo phương pháp gián tiếp nên số liệu so sánh là số liệu chưa được kiểm toán.



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập